

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-02-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Đinh Quốc Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Phạm Thật - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Mai L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Mai L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Mai L và anh Vi Văn T làm thủ tục lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 14/12/2015. Khi kết hôn, hai bên có tìm hiểu tự nguyện. Quá trình chung

sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Kể từ tháng 7/2020 vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Quỳnh P, sinh ngày 29/10/2014 và cháu Vi Bảo A, sinh ngày 22/12/2016. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị L. Ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 14/10/2020 và biên bản hòa giải ngày 24/11/2020, anh Vi Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do trước đây anh có chơi bời dẫn đến nợ nần, tuy nhiên các khoản nợ đó không lớn, hiện nay anh đã chăm chỉ đi làm để trả nợ. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã T hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

- + Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình

- + Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xem xét xử cho chị L được ly hôn anh T vì anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân nhau.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao 02 con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay anh T đi làm xa, không có mặt tại địa phương, chị L đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Mai L và anh Vi Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị L và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo giấy triệu tập, trình bày quan điểm và tham gia hòa giải. Sau đó anh T đi làm không có mặt ở địa phương. Mặc dù anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Mai L và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 14/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cả hai bên đều xác định do anh T không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần, anh T không quan tâm đến gia đình. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã M (nơi vợ chồng chị L, anh T sinh sống) xác định, anh T và chị L có mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Anh T xin được đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình vợ chồng sống ly thân, anh cũng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng chị L, anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị L được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Vi Quỳnh P, sinh ngày 29/10/2014 và cháu Vi Bảo A, sinh ngày 22/12/2016. Chị L và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay P và cháu A đang ở cùng với chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh T cho biết, anh T đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Nếu giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của các cháu vì các cháu còn nhỏ, cần sự trực tiếp chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng từ bố mẹ. Vì vậy xét cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện các cháu được chăm sóc tốt nhất. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Sau này khi anh T có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và có đề nghị thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Mai L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56, 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử chị Nguyễn Mai L ly hôn anh Vi Văn T

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Mai L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Vi Quỳnh P, sinh ngày 29/10/2014 và cháu Vi Bảo A, sinh ngày 22/12/2016 kể từ tháng 2 năm 2021 cho đến khi các cháu thành niên (18 tuổi), lao động tự túc được; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Mai L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003744 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có mặt có quyền kháng cáo; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đường sự;
-Chi cục THADS h Cẩm Khê;
-UBND xã M;
-Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

